

Bản án số: 57/2024/HS-PT

Ngày: 17-07-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên

Ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Trí, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 51/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 05 năm 2024, đối với bị cáo Đặng Văn T, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** Đặng Văn T, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 09/5/1985 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Ngọc L, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1960; Vợ: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988, có 02 con; lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2015; Anh chị em có 03 người, lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp khẩn cấp ngăn chặn: “cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

*** Bị hại:** Huỳnh Trương Hà N, sinh ngày 09/11/2012

Người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trương Hà N: ông Huỳnh Phong B, sinh năm 1982, cha của bị hại (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đặng Văn T và bà Trương Thị Ngọc D mỗi người đều đã lập gia đình riêng và có nhà ở gần nhau cùng ở khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sinh sống tại đây bị cáo T và bà D thường hay tụ tập nhóm bạn đi chơi chung với nhau, rồi cả hai nảy sinh tình cảm nam nữ, dẫn đến ông Huỳnh Phong B, sinh năm 1982 (là chồng của D) và T xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng qua nhà tìm gặp nhau gây sự, nhắn tin điện thoại qua lại chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và nhiều lần bị công an phường M mời đến trụ sở làm việc nhắc nhở. Đến cuối năm 2022, khi hai bên gia đình phát hiện ngăn cản thì D chấm dứt tình cảm với T, rồi vợ chồng bà D và ba con nhỏ chuyển về sinh sống tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Để chấm dứt tình cảm với T nên bà D né tránh gặp mặt T, thay đổi số điện thoại và xóa số điện thoại liên lạc với T cũng như không muốn có mối quan hệ gì với T, nhưng T vẫn cố tìm cách liên lạc với D. Vào đêm ngày 14/05/2023, T tìm đến nhà của vợ chồng D ở thôn H, xã H gây sự thì bị D gọi điện thoại báo công an xã H biết và mời T về trụ sở làm việc. Tại đây, T viết giấy cam đoan từ nay không đến nhà làm phiền gia đình vợ chồng B- Diễn nữa. Đến khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 12/8/2023, Đặng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 36L1-266.37 trên đường đi từ xã H, huyện B để về nhà ở phường M, thành phố P. Khi đi đến ngã ba rẽ vào đường DT715 về hướng xã H, huyện B, bị cáo T thấy bà Trương Thị Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 86C1-914.44 chở cháu Huỳnh Trương Hà N, sinh ngày 09/11/2012 (là con ruột của bà D, ông B) ngồi phía sau, chạy đi trên đường từ hướng M Né đến rẽ vào đường D để về nhà Diễn ở thôn H, xã H thì T không chạy xe mô tô trên đường về hướng M Né nữa, mà T chạy xe mô tô rẽ vào đường DT 715 rượt đuổi theo sau xe mô tô của D với mục đích buộc D dừng xe lại để nói chuyện. Diễn nhìn qua gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô thấy T đang chạy xe mô tô rượt đuổi theo sau, D sợ T tiếp tục gây sự, làm phiền nên D điều khiển xe chạy với tốc độ nhanh (theo lời khai của D chạy với tốc độ khoảng 80 km/h) để tránh T rượt đuổi kịp, nhưng T vẫn điều khiển xe mô tô rượt đuổi theo sau xe mô tô của D. Khi đến gần khu vực Km 23+300m đường DT 715 thuộc thôn H, xã H, huyện B (T chạy xe mô tô rượt đuổi theo sau xe mô tô của diễn được khoảng 3 cây số) thì T điều khiển xe vượt phía bên tay trái xe mô tô của D, chạy xe song song với xe mô tô của D và ép xe mô tô của D vào mép lề đường phải theo hướng xe của T và bà D đang chạy, với mục đích buộc D dừng xe lại để nói chuyện, làm bà D điều khiển xe mất thăng bằng nên tay lái bên trái xe mô tô của bà D va chạm nhẹ vào tay lái bên phải xe mô tô của T (theo lời khai của T), dẫn đến xe mô tô của bà D ngã tại chỗ về bên trái sát mép lề đường phải theo hướng đi, bà D ngã trên đường nhựa về bên trái, đầu hướng ra giữa tim đường và chân nằm dưới tay

lái xe bên trái xe mô tô 86C1-914.44, cháu Huỳnh Trương Hà N cũng té ngã nằm nghiêng bên trái phía sau đuôi xe mô tô 86C1-914.44, ở sát mép lề đường, đầu hướng ra giữa tim đường và chân trên lề đường đất, còn xe mô tô của T không ngã. T chạy xe mô tô đi được khoảng 20m thì quay lại chỗ xe mô tô bà D và Như ngã đang nằm trên đường, thì thấy hai mẹ con bà D bị thương, bà D đứng dậy lấy điện thoại gọi cho Huỳnh Phong B (là chồng của bà D) nói cho B biết việc T chạy xe mô tô rượt đuổi theo và dùng chân đạp xe mô tô, làm mẹ con của bà D té ngã ở trên đường bị thương. Lúc này, B đang ở nhà ở thôn H, xã H lấy một cây cuốc mang theo và chạy xe mô tô đến hiện trường, nhìn thấy T đang đứng phía bên kia đường đối diện với bà D và dùng tay chỉ về phía bà D nên B cầm cây cuốc chạy đến chỗ T, thì T sợ B đánh nên bỏ xe mô tô 36L1- 266.37 ngã tại thị trường và chạy bộ vào trong rẫy của người dân gần đó trốn. Sau đó, B gọi điện thoại cho công an xã H trình báo biết sự việc, bà D cùng cháu N được người thân đưa đến trạm y tế xã H sơ cứu vết thương, rồi bà D và Như được B đưa đến bệnh viện Đ điều trị vết thương. Khi tiếp nhận nguồn tin tội phạm, công an xã H đã tiến hành kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, ghi lời khai người tố giác, người bị tố giác, người liên quan và tạm giữ hai chiếc xe mô tô gồm xe mô tô biển số 36L1-266.37 do T đứng tên đăng ký chủ sở hữu và xe mô tô biển số 86C1- 914.44 do bà D đứng tên đăng ký chủ sở hữu là tang vật của vụ án. Sau khi xuất viện về nhà, vào ngày 14/8/2023, bà D làm đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với Đặng Văn T gây thương tích đề nghị giải quyết vụ việc trên theo quy định pháp luật. Nhận thấy vụ việc trên có dấu hiệu của tội phạm nên công an xã H chuyển nguồn tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 353/KLTTCT-TTPYBT ngày 29 tháng 8 năm 2023, của trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận thương tích của bà Trương Thị Ngọc D như sau: (1). Các kết quả chính: Sây sát da mặt trước của chân trái còn đóng vảy nâu kích thước (5 x 2,5)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3% Sây sát da mặt mu bàn chân trái kích thước (9,5 x 5,5)cm tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 3% Sây sát da vai phải, tay phải hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể. (2). Kết luận: xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trương Thị Ngọc D tại thời điểm giám định là 6% (Sáu phần trăm) -Kết luận khác: các vết sây sát do vật tày gây ra; Các vết sây sát có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương. Hiện không xác định cốt tật

*Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 557/KLTTCT-TTPYBT ngày 6 tháng 9 năm 2023, của trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Huỳnh Trương Hà N như sau: (1). Các kết quả chính: sây sát da đầu ngoài bờ trên cung mày cái đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước (0,7

x 0,7)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6% - Vết thương phần mềm hông bụng trái đã được điều trị, hiện đóng vảy màu nâu kích thước (4,5 x 1,5) cm tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2% (2). Kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Trương Hà N tại thời điểm giám định là 8% Kết luận khác: vết thương hông bụng trái, gây sây sát da cung mào trái do vật tày gây ra. Sây sát da cung mào trái, vết thương hông bụng trái có chiều hướng lực tác động từ trước ra sau. Hiện không xác định cổ tật

*Kết quả dựng lại hiện trường, xác định xe mô tô 86C1-914.44 nằm ngã nghiêng bên trái trên phần đường phải theo hướng xã H đi xã H. Đầu xe hướng về xã H đuôi xe hướng về xã H và nằm ngay mép lề đường phải. T2 bánh xe trước cách lề phải là 65cm, tâm bánh xe sau ngay sát mép lề phải. Cháu Huỳnh Trương Hà N té ngã nằm nghiêng bên trái, phía sau đuôi xe 86C1-914.44 ở sát mép lề đường phải hướng xã H đi xã H. Đầu hướng ra giữa tim đường chân trên lề đất. Trương Thị Ngọc D ngã nằm nghiêng bên trái trên phần đường bên phải hướng xã H đi xã H. Đầu hướng ra giữa tim đường C nằm dưới tay lái xe bên trái xe mô tô 86C1-914.44 hướng vào là đường phải.

*Kết quả khám phương tiện là xe mô tô 86C1-914.44: Gương chiếu hậu bên trái bung lệch khỏi vị trí khớp nối, cần gương cong lệch hướng từ trước ra sau. Mặt gương đế gương (ốp nhựa có nhiều vết chà xước); Góc chóa đèn chiếu sáng phía trước đến góc trái ốp nhựa trước đầu xe có vết chà xước hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái kích thước (18,5x8) cm Mặt trên đầu Cần Thắng tay bên trái có vết chà khuyết kim loại nham nhở kích thước (1,5 x 1,5) cm; mặt trước đầu cần sắt tay cầm lái bên trái có vết chà khuyết kim loại nham nhở kích thước (1 x 1) cm; đầu mũi dè chắn bùn bánh xe trước cong lệch hướng từ trái qua phải, mặt trên đầu mũi dè chắn bùn bánh xe trước cong lệch hướng từ trái qua phải; mặt trên đầu mũi dè có vùng chà xước hướng từ trái qua phải kích thước (99 x 7) cm; 1/2 trên mét sau mặt ngoài bửng gió bên trái có nhiều vết chà khuyết nhựa kéo sợi hướng từ trước ra sau, có hai vết trong đó: Vết một có kích thước (21 x 3) cm và vết hai có kích thước (21 x 10) cm; 1/2 giữa ốp nhựa thân xe bên trái có vùng chà khuyết nhựa hướng từ trên xuống dưới kích thước (12 x 1) cm; Cần gác chân sau bên trái ở vị trí xếp (đóng) mặt ngoài pát bắt cần gác chân có vết chàm khuyết kim loại hướng từ trước ra sau mỗi bên có kích thước (3 x 0,4) cm; gậy đầu cần đạp chân chống đứng; 1/3 trước mặt ngoài bên trái tay lái sau xe có vết chà khuyết kim loại hướng từ trước ra sau kích thước (1,5 x 0,8) cm, đầu vết cắt đầu tay lái 10 cm. Mặt ngoài ốp nhựa lọc gió bên trái có vùng chà khuyết nhựa kéo sợi nham nhở hướng từ trên xuống dưới kích thước (16 x 5,5) cm.

*Kết quả khám phương tiện là xe mô tô biển số 36L1- 266.37: 1/3 giữa mặt trước mép trên bửng chắn gió bên phải có vết chà xước hướng từ trước ra sau, từ

trái qua phải kích thước (6 x 0,2) cm, đầu vết cách đầu mép trên bưng chắn gió 7,5 cm, cách đất 80cm; 2/3 trên mặt trước bưng chắn gió bên phải có vùng chà xước (nhiều vết) theo nhiều chiều hướng khác nhau kích thước (32 x 6,5) cm, cao nhất cách đất 80 cm.

*Tại bản kết luận giám định số: 1211/ KL-KTHS ngày 23/10/2023 của phòng K- Công an tỉnh B và xác định dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 36L1-266.37 và xe mô tô biển số 86C1-914.44 như sau: Kết luận: tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông trên đường DT715: Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm trên phương tiện giữa xe mô tô biển số 36L1- 266.37 với xe mô tô biển số 86C1-914.44 Về tang, vật chứng của vụ án: xe mô tô biển số 36L1- 266.37 là của Đặng Văn T dùng phương tiện rượt đuổi gây thương tích cho bà Trương Thị Ngọc D và Huỳnh Trương Hà N, nên sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình để xử lý theo quy định pháp luật. Đối với xe mô tô biển số 86C1-914.44 do bà Trương Thị Ngọc D đứng tên đăng ký chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng giao trả chiếc xe mô tô trên cho Diễn theo quy định pháp luật nên không đề nghị xử lý.

Về phần dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, Trương Thị Ngọc D yêu cầu Đặng Văn T bồi thường tiền điều trị thương tích và các chi phí khác cho D cùng với con gái ruột là cháu Huỳnh Trương Hà N, với tổng số tiền 21.040.000 đồng đến nay Đặng Văn T đã nộp 21.100.000 đồng tại cơ quan cảnh sát điều tra huyện B để bồi thường tiền điều trị thương tích và các chi phí hợp lý khác cho D và Như. Nhưng D và Như không đến nhận nên cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự để xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, quyết định:

Căn cứ: Điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng. (kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2024) Giao bị cáo Đặng Văn T cho UBND phường M, TP ., tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đặng Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 593 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật

Hình sự; Điều 7 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho bị hại Trương Thị Ngọc D và Huỳnh Trương Hà N với số tiền 21.100.000 đồng. Ngày 08/01/2024 và ngày 19/02/2024 bị cáo Đặng Văn T đã nộp đủ số tiền 21.100.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Tiếp tục tạm giữ số tiền 21.100.000 đồng mà bị cáo Đặng Văn T đã nộp theo Giấy nộp tiền vào các ngày 08/01/2024 và ngày 19/02/2024 vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 04/04/2024, bị hại Trương Thị Ngọc D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm của bị cáo cho bị hại 20.000.000 đồng.

- Bị cáo xin giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm và tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị hại 20.000.000 đồng ngoài số tiền 21.100.000 đồng đã nộp tại cơ quan thi hành án .

- Bị hại giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét xử đúng pháp luật. Về dân sự bị hại Diễn nhất trí nhận thêm của bị cáo 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn T thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng, không oan.

[3] HĐXX nhận thấy: khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 12/8/2023, Đặng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 36L1-266.37 đi đến ngã ba rẽ vào đường DT715 về hướng xã H, huyện B, bị cáo Đặng Văn T thấy bà Trương Thị Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 86C1-914.44 chở cháu Huỳnh Trương Hà N. Do có mâu thuẫn về tình cảm nên T chạy xe mô tô rẽ vào đường DT 715 rượt đuổi theo sau xe mô

tô của bà D với mục đích buộc D dừng xe lại để nói chuyện. T điều khiển xe vượt phía bên tay trái xe mô tô của D, chạy xe song song với xe mô tô của D và ép xe mô tô của D vào mép lề đường phải theo hướng xe của T và Bà D đang chạy, với mục đích buộc D dừng xe lại để nói chuyện, làm bà D điều khiển xe mất thăng bằng nên tay lái bên trái xe mô tô của bà D va chạm nhẹ vào tay lái bên phải xe mô tô của T (theo lời khai của T), dẫn đến xe mô tô của bà D ngã tại chỗ về bên trái sát mép lề đường phải theo hướng đi, làm mẹ con của bà D bị thương. Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận thương tích của bà Trương Thị Ngọc D là 6% (Sáu phần trăm) và thương tích của cháu Huỳnh Trương Hà N là 8%. Hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, c khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại về việc áp dụng án treo cho bị cáo, HĐXX thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã xử bị cáo Đặng Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đồng thời không phải là đối tượng gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của gia đình bị hại. Do đó bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 01, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù và cho hưởng án treo là phù hợp. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, bị hại không đưa ra những tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc đề nghị Tòa án cấp phúc không cho bị cáo hưởng án treo. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị hại 20.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bị cáo nên được ghi nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Trương Thị Ngọc D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

2. Căn cứ: Điều a, c khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2024.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đặng Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 593 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 7 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho bị hại Trương Thị Ngọc D và Huỳnh Trương Hà N với số tiền 21.100.000 đồng. Ngày 08/01/2024 và ngày 19/02/2024 bị cáo Đặng Văn T đã nộp đủ số tiền 21.100.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Tiếp tục tạm giữ số tiền 21.100.000 đồng mà bị cáo Đặng Văn T đã nộp theo Giấy nộp tiền vào các ngày 08/01/2024 và ngày 19/02/2024 vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đặng Văn T hỗ trợ cho bị hại Trương Thị Ngọc D 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại 01 xe mô tô biển số 36L1-266.37 cho bị cáo Đặng Văn T (theo biên

bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị hại Trương Thị Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 07 năm 2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BT;
- TAND, VKSND huyện BB
- CQCSĐT, THADS huyện BB;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh BT;
- UBND cấp xã nơi bc cư trú;
- PV06, PC02,03- CA tỉnh BT
- Cổng TTĐT TANDTC.
- Lưu hồ sơ, tổ HCTP, Tòa HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lê Phương